

Số: **99/2022/QĐST-DS**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 119/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 3A/21 khu phố S1, phường I2, thành phố E2, tỉnh U.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1983; Ông Lê Hữu T5, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 45N/6, khu phố S2, phường I1, thành phố E, tỉnh U.

(Giấy ủy quyền số 4402, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2020 tại Văn phòng công chứng R, tỉnh U).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số 72, đường O1, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc X1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 1E đường O, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 000761, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2021 tại Văn phòng công chứng Y, Thành phố Hồ Chí Minh.)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 2/15 đường O, tổ 1A, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1983; Ông Lê Hữu T5, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 45N/6, khu phố S2, phường I1, thành phố E, tỉnh U.

(Giấy ủy quyền số 4403, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2020 tại Văn phòng công chứng R, tỉnh U).

2. Ông Đoàn Tấn P, sinh năm 1954, chết năm 2018.

Địa chỉ: đường O, tổ 1A, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người thừa kế của ông P:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1958; Địa chỉ: B11C, khu phố S3, phường I3, thành phố E, tỉnh U

2.2. Ông Đoàn Tấn Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: 262/9/16 đường O2, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Bà Đoàn Thị Ngọc B1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 3, khu phố S4, phường I4, thị xã E1, tỉnh U.

2.4. Bà Đoàn Thị Bích P1, sinh năm 1988; Địa chỉ: B11C, khu phố S3, phường I3, thị xã E, tỉnh U.

2.5. Bà Đoàn Ngọc Y, sinh năm 1991; Địa chỉ: 262/9/16, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đoàn Thị Bích P1 và bà Đoàn Ngọc Y cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1958. (Giấy ủy quyền số 387, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2022 tại Văn phòng công chứng V, tỉnh U).

3. Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1958, chết năm 2003.

Địa chỉ: Số 2/17 đường O, tổ 1A, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người thừa kế của ông T1:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955, chết năm 2021.

3.2. Ông Đoàn Anh T2, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số 2/17 đường O, tổ 1A, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 2/17 đường O, tổ 1A, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1983; Ông Lê Hữu T5, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 45N/6, khu phố S2, phường I1, thành phố E, tỉnh U.

(Giấy ủy quyền số 4404, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2020 tại Văn phòng công chứng R, tỉnh U).

5. Bà Mai Hoàng A, sinh năm 1980

6. Trẻ Đoàn Minh Q, sinh năm 2006

7. Trẻ Đoàn Mai Kỳ D, sinh năm 2010.

Cùng địa chỉ: Số 2/17 đường O, tổ 1A, khu phố S, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trẻ Đoàn Minh Q và trẻ Đoàn Mai Kỳ D có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Anh T2 và bà Mai Hoàng A.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hàng thừa kế:

Ông Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1925, chết năm 1973) có cha là ông Nguyễn Văn C và mẹ là bà Lê Thị H. Đều chết trước ông L1 và không rõ năm chết (không có làm chứng tử).

Bà Đoàn Thị C1 (sinh năm 1926, chết năm 2010) có cha là ông Đoàn Văn T4 và mẹ là bà Nguyễn Thị C2. Đều chết trước bà C1 và không rõ năm chết (không có làm chứng tử).

Ông Nguyễn Văn L1 và bà Đoàn Thị C1 có tổng cộng 06 người con là:

1/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950.

2/ Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1948.

3/ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1953.

4/ Ông Đoàn Tấn P, sinh năm 1954.

5/ Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1958.

6/ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1962.

Ngoài 06 người con này không có con nuôi hay con riêng nào khác nữa.

- Ông Đoàn Tấn P, sinh năm 1954, chết năm 2018 có những người thừa kế gồm: Vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1958; Và các con: Ông Đoàn Tấn Đ, sinh năm 1983; Bà Đoàn Thị Ngọc B1, sinh năm 1986; Bà Đoàn Thị Bích P1, sinh năm 1988; Bà Đoàn Ngọc Y, sinh năm 1991.

- Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1958, chết năm 2003 có những người thừa kế gồm: Vợ là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955, chết năm 2021; Và con là ông Đoàn Anh T2, sinh năm 1986.

2. Về di sản thừa kế: Là nhà đất số 2/17, đường O, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 127,7m² thuộc thửa 272, tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc: 2584/2004 do Ủy ban nhân dân quận Q (nay là thành phố Q) cấp ngày 22/6/2004 cho ông Nguyễn Văn L1 và bà Đoàn Thị C1 đứng tên.

Các đồng thừa kế đồng ý thống nhất giá trị nhà đất tọa lạc tại căn nhà số 2/17, đường O, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị tạm tính là 3.200.000.000 đồng.

Chia di sản của ông L1 và bà C1 theo thỏa thuận: 50% giá trị tài sản chia cho ông Đoàn Anh T2 (tương đương số tiền 1.600.000.000 đồng); 50% giá trị còn lại chia đều cho các đồng thừa kế khác gồm: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị T3 (mỗi người được hưởng tương đương số tiền 320.000.000 đồng). Riêng, bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Đoàn Tấn Đ, bà Đoàn Thị Ngọc B1, bà Đoàn Thị Bích P1, bà Đoàn Ngọc Y (cùng hưởng tương đương số tiền 320.000.000 đồng. Cụ thể: Bà L được hưởng 64.000.000 đồng; Ông Đ được hưởng 64.000.000 đồng, bà B1 được hưởng 64.000.000 đồng; bà P1 được hưởng 64.000.000 đồng; Bà Y được hưởng 64.000.000 đồng).

Các đồng thừa kế đều thống nhất trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Quyết định Công nhận nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự có hiệu lực pháp luật sẽ tự thỏa thuận bán nhà đất tọa lạc tại số 2/17, đường O, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh để chia cho các bên theo tỷ lệ nói trên.

Nếu hết thời hạn 01 năm mà các bên không tự thỏa thuận được việc bán nhà đất trên thì một trong các bên đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất nói trên để chia cho các bên sau khi đã trừ đi các chi phí phát mãi và thi hành án (nếu có).

Ông Đoàn Anh T2 tự nguyện giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc: 2584/2004 do Ủy ban nhân dân quận Q (nay là thành phố Q) cấp ngày 22/6/2004 cho ông Nguyễn Văn L1 và bà Đoàn Thị C1 tọa lạc tại địa chỉ tại số 2/17, đường O, phường I, quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh; và bàn giao nhà đất trên trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày hợp đồng chuyển nhượng được ký kết.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Chia di sản thừa kế ông L1 và bà C1 thành 2 phần bằng nhau: 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu): $2 = 1.600.000.000$ đồng (Một tỷ sáu trăm triệu).

Ông Đoàn Anh T2 nhận 50% giá trị tương đương: 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu): $2 = 1.600.000.000$ đồng (Một tỷ sáu trăm triệu). Ông T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003985 ngày 07/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q (nay là thành phố Q), Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T2 phải đóng thêm 29.700.000 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn).

Các ông bà: Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị T3 được nhận 50% giá trị tương đương: 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu): $5 = 320.000.000$ đồng (Ba trăm hai mươi triệu). Mỗi người được nhận là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu).

Riêng, bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Đoàn Tấn Đ, bà Đoàn Thị Ngọc B1, bà Đoàn Thị Bích P1, bà Đoàn Ngọc Y (cùng hưởng tương đương số tiền 320.000.000 đồng. Cụ thể: Bà L, ông Đ, bà B1, bà P1, bà Y mỗi người được hưởng 64.000.000 đồng (Sáu tư triệu). Ông Đ, bà B1, bà P1, bà Y mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị Ngọc L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Q, TP.HCM.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (Linh/27b)

THẨM PHÁN

Lưu Thị Thủy Tiên